

KẾ HOẠCH

Thực hiện nội dung “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và Truyền thông cơ sở” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 06 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Đặc điểm, tình hình

Trong những năm qua, tỉnh Bến Tre phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và phát triển bền vững, đồng thời tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu; đẩy mạnh đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, tạo nền tảng phát triển toàn diện trong các lĩnh vực.

Với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội như trên, nhu cầu nắm bắt thông tin của người dân đang trở nên cấp thiết, nhất là các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng. Do đó, việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hệ

thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn tỉnh cần được chú trọng. Hiện nay, Bến Tre có 09/09 huyện, thành phố có Đài truyền thanh cấp huyện; 164/164 xã, phường, thị trấn có Đài truyền thanh cấp xã, hoạt động chủ yếu bằng phương thức hữu tuyến. Trong những năm qua, các Đài truyền thanh cơ sở trong tỉnh đã thực hiện khá tốt công tác thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người dân.

2. Thực trạng về hệ thống Đài truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh

Qua công tác khảo sát thực tế hiện trạng trang thiết bị của các Đài truyền thanh cơ sở cho thấy:

- Đối với Đài truyền thanh cấp huyện: Hầu hết các trang thiết bị được đầu tư trang bị cách đây nhiều năm nên đã xuống cấp nặng, thường xuyên hư hỏng, gây nhiễu sóng, chất lượng hoạt động kém, hệ thống cột ăng ten bị rỉ sét, hệ thống chống sét kém hiệu quả nhưng đến nay vẫn chưa được đầu tư nâng cấp do địa phương thiếu kinh phí.

- Đối với Đài truyền thanh cấp xã: Đa số các xã có địa bàn rộng, dân cư không tập trung, nhất là những xã bãi ngang. Trong khi đó, hệ thống trang thiết bị của hầu hết các Đài truyền thanh cấp xã đã được đầu tư nâng cấp cách đây trên 15 năm, đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng, chất lượng hoạt động rất kém; tỷ lệ phủ sóng phát thanh chỉ đạt khoảng 30% các ấp trên địa bàn xã; hệ thống loa truyền thanh chủ yếu hoạt động ở trung tâm xã, thị trấn và các khu dân cư tập trung nên chưa đáp ứng được nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân ở vùng sâu, vùng xa. Từ đó, làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền tại cơ sở.

Mặt dù, còn gặp nhiều khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị nhưng các Đài truyền thanh cơ sở đã cố gắng duy trì hoạt động đúng với quy định. Ngoài tiếp sóng chương trình thời sự của Trung ương, tỉnh, huyện, các Đài truyền thanh xã cũng thường xuyên viết tin, bài, mẫu chuyện người tốt việc tốt tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã.

3. Sự cần thiết thực hiện dự án tại địa phương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng và công tác quản lý, điều hành

Phát thanh truyền hình là phương tiện thông tin đại chúng, là công cụ sắc bén của Đảng và Nhà nước trên mặt trận văn hóa tư tưởng, góp phần nâng cao dân trí, phát triển kinh tế - xã hội. Với đặc thù là một tỉnh thuần nông, ngoài thành phố Bến Tre, các huyện trên địa bàn tỉnh có dân cư sống rải rác, phân tán. Do đó, việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở phục vụ cho người dân là cần thiết và cần được quan tâm để kịp thời phục vụ nhu cầu truyền thông thông tin của người dân. Đồng thời, việc đầu tư hệ thống trang thiết bị cho các Đài truyền thanh cơ sở đóng vai trò rất quan trọng trong công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phổ biến kiến thức pháp luật một cách sâu rộng đến từng người dân, cung cấp

các thông tin thời sự trong tỉnh, trong nước và quốc tế, nâng cao đời sống văn hóa, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Xây dựng và củng cố hệ thống thông tin truyền thông cơ sở nhằm đảm bảo thông tin kịp thời về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; cung cấp thông tin chính thống về tình hình phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội cũng như phổ biến các tiến bộ khoa học - kỹ thuật đến tất cả người dân, rút ngắn khoảng cách về đảm bảo thông tin và hưởng thụ thông tin; tạo điều kiện để người dân tiếp cận kịp thời các thông tin để chủ động trong phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm,... góp phần nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần; đồng thời, ngăn chặn, đẩy lùi những thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng tại địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

Tăng cường năng lực cơ sở vật chất kỹ thuật cho hệ thống thông tin truyền thông cơ sở. Đầu tư đồng bộ hệ thống máy phát thanh FM 500W cho Đài truyền thanh cấp huyện, có khả năng điều chỉnh được tần số, công suất phát theo quy định của nhà nước, đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả, chất lượng tốt. Tất cả các Đài truyền thanh xã đã xuống cấp, đặc biệt là các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã phấn đấu xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 đều được trang bị mới hệ thống Đài Truyền thanh xã và có hệ thống loa truyền thanh đến tối thiểu 2/3 số ấp trong xã để kịp thời cung cấp thông tin cho người dân, phù hợp với xu hướng đổi mới công nghệ và đảm bảo chất lượng thông tin được cung cấp.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Nội dung thực hiện Chương trình

Triển khai thực hiện dự án “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 để đầu tư nâng cấp trang thiết bị thông tin và truyền thông cơ sở cho các Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã đã xuống cấp nghiêm trọng, nhằm đảm bảo tiếp tục duy trì hoạt động, thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở.

2. Đối tượng thụ hưởng từ dự án

Tất cả các Đài truyền thanh huyện và Đài truyền thanh xã đã xuống cấp nghiêm trọng nhưng chưa được đầu tư trang bị mới: 09 Đài truyền thanh huyện/thành phố và 164 Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn. Năm 2016 và 2017 đã hỗ trợ nâng cấp 04 Đài truyền thanh huyện và 42 Đài truyền thanh xã; nhu cầu nâng cấp giai đoạn 2018 -2020: 05 Đài truyền thanh huyện và 122 Đài truyền thanh xã.

(Danh sách chi tiết tại phụ lục 2 và phụ lục 3 đính kèm)

3. Trang thiết bị đầu tư nâng cấp cho các Đài truyền thanh

- Đài truyền thanh cấp huyện: Máy phát sóng FM 500W; hệ thống ăng ten phát sóng FM; dây cáp feeder; connecter.

- Đài truyền thanh cấp xã: Tăng âm; loa phóng thanh; dây truyền thanh; radio chuyên dụng, bộ thu truyền thanh không dây kỹ thuật số 50 W.

4. Đơn vị thực hiện dự án

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân và Đài truyền thanh các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.

IV. PHÂN TÍCH TÍNH KHẢ THI

- Dự án được triển khai thực hiện từ nguồn vốn Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; nguồn kinh phí xã hội hóa và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Đài truyền thanh cấp huyện, xã trực tiếp quản lý, ban hành quy chế bảo quản, vận hành khai thác các cơ sở vật chất đã được đầu tư. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch theo dõi, kiểm tra việc sử dụng cơ sở vật chất do Chương trình cung cấp.

- Dự án trên là dự án thành phần về thông tin và truyền thông thuộc phạm vi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Đáp ứng được nhu cầu cấp thiết về tiếp cận thông tin của người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là ở vùng bãi ngang ven biển, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới biển.

V. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

Cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần cho tất cả người dân nói chung và cho người dân đang sinh sống tại các xã vùng sâu, vùng xa của tỉnh Bến Tre nói riêng. Khi dự án được triển khai thực hiện, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được thông tin rộng rãi, kịp thời và rõ ràng đến cộng đồng dân cư, góp phần tạo được sự đồng thuận cao trong toàn xã hội. Từ đó, nâng cao nhận thức của người dân trong việc giữ vững an ninh quốc phòng và bảo vệ trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương và gia đình. Đặc biệt là sớm giúp các xã đáp ứng được tiêu chí về thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí tổ chức thực hiện: Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới phân bổ hàng năm; nguồn kinh phí xã hội hóa và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại phụ lục 2 và phụ lục 3 đính kèm)

VII. QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này. Hàng năm, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành, địa phương có liên quan cân đối, phân bổ nguồn vốn để triển khai thực hiện đảm bảo theo lộ trình Kế hoạch đề ra.

3. Sở Tài chính: Chịu trách nhiệm hướng dẫn cho các cơ quan đơn vị liên quan sử dụng và quyết toán kinh phí được phân bổ theo đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành có liên quan để triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương đạt hiệu quả.

5. Các Sở, ngành tỉnh, Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh: Tích cực phối hợp, hỗ trợ các địa phương hoàn thành các nội dung Kế hoạch để sớm hoàn thành tiêu chí nông thôn mới về Thông tin và truyền thông.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nội dung: “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bến Tre. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre kính báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, hỗ trợ kinh phí để Bến Tre hoàn thành các mục tiêu đã đề ra của tỉnh và góp phần hoàn thành mục tiêu chung của ngành Thông tin và Truyền thông./.

** Phụ lục đính kèm:*

- *Nhu cầu thực hiện Dự án giai đoạn 2018-2020 và báo cáo tình hình thực hiện tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông: Phụ lục 1a và phụ lục 1b.*

- *Kế hoạch thực hiện Dự án giai đoạn 2016-2020: Phụ lục 2 và phụ lục 3.*

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (thay báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Công tác phía nam - Bộ TTTT;
- TTTU, UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- NC: KGVX, TH, TTITDT;
- Lưu: VT.



Nguyễn Hữu Phước



Phụ lục 1a

ĐỀ XUẤT NHU CẦU THỰC HIỆN
NỘI DUNG TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ" GIAI
ĐOẠN 2018-2020 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 468 /KH-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Bến Tre)

STT	Đơn vị	Số xã		Số xã chưa có Đài truyền thanh	Nhu cầu thực hiện			
		Tổng số	Trong đó xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo		Nâng cấp Đài PTTH cấp huyện và trạm phát lại PTTH (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Nâng cấp Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Trạm truyền thanh thôn xa trung tâm xã (Đơn vị: Trạm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	HUYỆN BA TRI	24	8	0	0	0	16	0
1	Vĩnh Hòa							
2	An Đức							
3	Phước Ngãi							
4	Mỹ Chánh							
5	An Phú Trung							
6	An Bình Tây							
7	An Ngãi Tây							
8	Bảo Thạnh							
9	Bảo Thuận							
10	An Hòa Tây							
11	Phước Tuy							

STT	Đơn vị	Số xã		Số xã chưa có Đài truyền thanh	Nhu cầu thực hiện			
		Tổng số	Trong đó xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo		Nâng cấp Đài PTTH cấp huyện và trạm phát lại PTTH (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Nâng cấp Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Trạm truyền thanh thôn xa trung tâm xã (Đơn vị: Trạm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Tân Xuân							
13	Tân Mỹ							
14	Mỹ Thạnh							
15	Thị Trấn							
16	Phú Lễ							
II	HUYỆN BÌNH ĐẠI	20	6	0	01	0	16	0
1	Phú Thuận							
2	Châu Hưng							
3	Thới Lai							
4	Vang Quới Tây							
5	Lộc Thuận							
6	Thanh Trị							
7	Thanh Phước							
8	Bình Thới							
9	Bình Thắng							
10	Đại Hòa Lộc							
11	Thừa Đức							
12	Thới Thuận							
13	Thị Trấn							
14	Tam Hiệp							
15	Định Trung							
16	Phú Long							

STT	Đơn vị	Số xã		Số xã chưa có Đài truyền thanh	Nhu cầu thực hiện			
		Tổng số	Trong đó xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo		Nâng cấp Đài PTTH cấp huyện và trạm phát lại PTTH (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Nâng cấp Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Trạm truyền thanh thôn xa trung tâm xã (Đơn vị: Trạm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
III	HUYỆN CHỢ LÁCH	11	0	0	01	0	6	0
1	Phước Phụng							
2	Vĩnh Thành							
3	Vĩnh Hòa							
4	Hòa Nghĩa							
5	Hưng Khánh Trung B							
6	Thị Trấn							
IV	HUYỆN MỎ CÀY NAM	17	3	0	0	0	12	0
1	An Định							
2	An Thạnh							
3	Hương Mỹ							
4	Đa Phước Hội							
5	Ngãi Đăng							
6	Phước Hiệp							
7	Tân Hội							
8	Tân Trung							
9	Thị Trấn							
10	Thành Thới A							
11	Thành Thới B							
12	Bình Khánh Tây							

STT	Đơn vị	Số xã		Số xã chưa có Đài truyền thanh	Nhu cầu thực hiện			
		Tổng số	Trong đó xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo		Nâng cấp Đài PTTH cấp huyện và trạm phát lại PTTH (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Nâng cấp Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Trạm truyền thanh thôn xã trung tâm xã (Đơn vị: Trạm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
V	HUYỆN THANH PHÚ	18	5	0	01	0	11	0
1	Hòa Lợi							
2	Mỹ Hưng							
3	Đại Điền							
4	An Qui							
5	An Điền							
6	Thanh Phong							
7	Tân Phong							
8	An Thạnh							
9	An Nhơn							
10	Thanh Hải							
11	Thị Trấn							
VI	HUYỆN MỎ CÀY BẮC	13	2	0	01	0	9	0
1	Hòa Lộc							
2	Thanh Ngãi							
3	Phước Mỹ Trung							
4	Nhuận Phú Tân							
5	Khánh Thạnh Tân							
6	Thành An							
7	Tân Thành Bình							

STT	Đơn vị	Số xã		Số xã chưa có Đài truyền thanh	Nhu cầu thực hiện			
		Tổng số	Trong đó xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo		Nâng cấp Đài PTTH cấp huyện và trạm phát lại PTTH (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Nâng cấp Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Trạm truyền thanh thôn xã trung tâm xã (Đơn vị: Trạm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Hưng Khánh Trung A							
9	Tân Bình							
VII	HUYỆN GIỒNG TRÒM	22	2	0	0	0	18	0
1	Thuyền Điện							
2	Tân Hào							
3	Lương Hòa							
4	Lương Quới							
5	Phong Mỹ							
6	Hưng Lễ							
7	Mỹ Thanh							
8	Thị Trấn							
9	Tân lợi Thạnh							
10	Châu Hòa							
11	Thạnh Phú Đông							
12	Hưng Phong							
13	Bình Hòa							
14	Hưng Nhượng							
15	Phước Long							
16	Sơn Phú							
17	Tân Thanh							
18	Châu Bình							

STT	Đơn vị	Số xã		Số xã chưa có Đài truyền thanh	Nhu cầu thực hiện			
		Tổng số	Trong đó xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo		Nâng cấp Đài PTTH cấp huyện và trạm phát lại PTTH (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Nâng cấp Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Trạm truyền thanh thôn xã trung tâm xã (Đơn vị: Trạm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
VIII	HUYỆN CHÂU THÀNH	22	1	0	0	0	18	0
1	An Hòa							
2	An Phước							
3	An Khánh							
4	Phú Túc							
5	Tiền Thủy							
6	Thị Trấn							
7	Giáo Long							
8	Phú An Hòa							
9	Hữu Định							
10	An Hiệp							
11	Sơn Hòa							
12	Tam Phước							
13	Giáo Hòa							
14	Tân Thạch							
15	Phú Đức							
16	Tân Phú							
17	Tiền Long							
18	Tường Đa							
IX	THÀNH PHỐ BẾN TRE	17	0	0	01	0	16	0
1	Phường Phú							

STT	Đơn vị	Số xã		Số xã chưa có Đài truyền thanh	Nhu cầu thực hiện			
		Tổng số	Trong đó xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo		Nâng cấp Đài PTTH cấp huyện và trạm phát lại PTTH (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Nâng cấp Đài truyền thanh xã (Đơn vị: Đài)	Thiết lập mới Trạm truyền thanh thôn xã trung tâm xã (Đơn vị: Trạm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Khương							
2	Xã Sơn Đông							
3	Xã Mỹ Thành							
4	Xã Phú Hưng							
5	Xã Bình Phú							
6	Xã Phú Nhuận							
7	Xã Mỹ Thạnh An							
8	Phường Phú Tân							
9	Phường 1							
10	Phường 2							
11	Phường 3							
12	Phường 4							
13	Phường 5							
14	Phường 6							
15	Phường 7							
16	Phường 8							
TỔNG CỘNG:		164	27	0	05	0	122	0



Phụ lục 1b

**ĐẠO CẢO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số: 4068/KH-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Bến Tre)

STT	Tên huyện, thành phố	Xã đạt nội dung 8.1 - Xã có điểm phục vụ bưu chính	Xã đạt nội dung 8.2 - Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Xã đạt nội dung 8.3 - Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Xã đạt nội dung 8.4 - Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Huyện Ba Tri	07	07	03	07	
1	Xã An Ngãi Trung	x	x	x	x	Đã công nhận
2	Xã Mỹ Nhơn	x	x	x	x	Đã công nhận
3	Xã Mỹ Hòa	x	x	x	x	Đã công nhận
4	Vĩnh Hòa	VHX	x		x	
5	Vĩnh An	VHX	x		x	
6	An Ngãi Tây	VHX	x		x	
7	Phú Ngãi	VHX	x		x	
II	Huyện Bình Đại	05	05	02	05	

STT	Tên huyện, thành phố	Xã đạt nội dung 8.1 - Xã có điểm phục vụ bưu chính	Xã đạt nội dung 8.2 - Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Xã đạt nội dung 8.3 - Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Xã đạt nội dung 8.4 - Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	Ghi chú
1	Xã Long Hòa	x	x	x	x	Đã công nhận
2	Thới Thuận	x	x	x	x	Đã công nhận
3	Long Định	VHX	x		x	
4	Châu Hưng	BC3	x		x	
5	Thới Lai	BC3	x		x	
III	Châu Thành	05	05	02	05	
1	Quới Sơn	x	x	x	x	Đã công nhận
2	Thành Triệu	x	x	x	x	Đã công nhận
3	An Phước	VHX	x		x	
4	Tiền Long	VHX	x		x	
5	An Hiệp	BC3	x		x	
IV	Chợ Lách	07	09	04	09	
1	Vĩnh Bình	x	x	x	x	Đã công nhận
2	Phú Sơn	x	x	x	x	Đã công nhận

STT	Tên huyện, thành phố	Xã đạt nội dung 8.1 - Xã có điểm phục vụ bưu chính	Xã đạt nội dung 8.2 - Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Xã đạt nội dung 8.3 - Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Xã đạt nội dung 8.4 - Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	Ghi chú
3	Tân Thiêng	x	x	x	x	Đã công nhận
4	Long Thới	x	x	x	x	Đã công nhận
5	Hòa Nghĩa	Chưa	x		x	
6	Hưng Khánh Trung B	Chưa	x		x	
7	Vĩnh Hòa	BC3	x		x	
8	Phú Phụng	BC3	x		x	
9	Vĩnh Thành	VHX	x		x	
V	Mỏ Cày Bắc	05	05	02	05	
1	Tân Phú Tây	x	x	x	x	Đã công nhận
2	Tân Thanh Tây	x	x	x	x	Đã công nhận
3	Thanh Tân	VHX	x		x	
4	Tân Bình	VHX	x		x	
5	Thành An	VHX	x		x	
VI	Mỏ Cày Nam	04	05	02	05	
1	Cẩm Sơn	x	x	x	x	Đã công nhận
2	An Thới	x	x	x	x	Đã công nhận
3	Tân Hội	Chưa	x		x	
4	Phước Hiệp	VHX	x		x	
5	Mĩnh Đức	VHX	x		x	

STT	Tên huyện, thành phố	Xã đạt nội dung 8.1 - Xã có điểm phục vụ bưu chính	Xã đạt nội dung 8.2 - Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Xã đạt nội dung 8.3 - Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Xã đạt nội dung 8.4 - Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	Ghi chú
VII	Thạch Phú	05	05	02	05	
1	Quới Điền	x	x	x	x	Đã công nhận
2	An Nhơn	x	x	x	x	Đã công nhận
3	Thới Thạnh	VHX	x		x	
4	Giao Thạnh	BC3	x		x	
5	Tân Phong	BC3	x		x	
VIII	Giồng Trôm	05	06	03	06	
1	Lương Quới	x	x	x	x	Đã công nhận
2	Lương Phú	x	x	x	x	Đã công nhận
3	Bình Thành	x	x	x	x	Đã công nhận
4	Phong Năm	VHX	x		x	
5	Sơn Phú	VHX	x		x	
6	Hưng Lễ	VHX	x		x	
IX	Thành phố Bến Tre	03	03	01	03	
1	Nhơn Thạnh	x	x	x	x	Đã công nhận
2	Sơn Đông	BC3	x		x	
3	Mỹ Thành	VHX	x		x	
Tổng số:		47	50	21	50	21



Phụ lục 2

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CẤP PHÂN PHÁT THANH CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH HUYỆN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số: 4668/KH-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Bến Tre)

STT	Đơn vị	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)					
			Tổng số	Trong đó				
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4			5	6	7
	NÂNG CẤP ĐÀI TRUYỀN THANH HUYỆN:		3.900	700	700	1.000	1.000	500
1	Đài Truyền thanh huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	350	350				
2	Đài Truyền thanh huyện Ba Tri	Huyện Ba Tri	350	350				
3	Đài Truyền thanh huyện Giồng Trôm	Huyện Giồng Trôm	350		350			
4	Đài Truyền thanh huyện Mô Cày Nam	Huyện Mô Cày Nam	350		350			
5	Đài Truyền thanh huyện Bình Đại	Huyện Bình Đại	500			500		
6	Đài Truyền thanh thành phố Bến Tre	Thành phố Bến Tre	500			500		
7	Đài Truyền thanh huyện Chợ Lách	Huyện Chợ Lách	500				500	
8	Đài Truyền thanh huyện Mô Cày Bắc	Huyện Mô Cày Bắc	500				500	
9	Đài Truyền thanh huyện Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú	500					500

Số tiền bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí năm 2016 và 2017 đã thực hiện: 1,4 tỷ đồng.

- Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2018-2020: 2,5 tỷ đồng

TỈNH BẾN TRE

Phụ lục 3
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CẤP ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Kế hoạch số: 4668 /KH-UBND ngày 16/10 /2017 của UBND tỉnh Bến Tre)

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
I	HUYỆN BA TRI	24	0	0	09	15	2.068,71	324,96	243,75	500	400	700
1	An Hiệp				X			54,16				
2	Tân Thủy					X		54,16				
3	An Thủy				X			54,16				
4	Mỹ Nhơn					X		54,16				
5	An Ngãi Trung					X		54,16				
6	Mỹ Hoà					X		54,16				
7	Tân Hưng				X				81,25			
8	Vĩnh An					X			81,25			

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
9	Phú Lễ					X			81,25			100
10	Vĩnh Hòa					X				100		
11	An Đức				X					100		
12	Phú Ngãi					X						100
13	Mỹ Chánh					X				100		
14	An Phú Trung					X				100		
15	An Bình Tây					X					100	
16	An Ngãi Tây				X						100	
17	Bảo Thạnh				X						100	
18	Bảo Thuận				X						100	
19	An Hòa Tây				X							100
20	Phước Tuy					X						100
21	Tân Xuân				X					100		
22	Tân Mỹ					X						100
23	Mỹ Thạnh					X						100
24	Thị Trấn					X						100

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
II	HUYỆN BÌNH ĐẠI	19	0	0	05	14	1.816,66	54,16	125,5	500	500	600
1	Long Hoà					X		54,16				
2	Phú Vang				X				81,25			
3	Long Định					X			81,25			
4	Phú Thuận					X				100		
5	Châu Hưng					X				100		
6	Thới Lai					X				100		
7	Vang Quới Tây					X					100	
8	Lộc Thuận					X						100
9	Thanh Trị				X						100	
10	Thanh Phước					X					100	
11	Bình Thới					X						100
12	Bình Thắng					X						100
13	Đại Hòa Lộc				X					100		
14	Thừa Đức				X							100

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
15	Thới Thuận					X						100
16	Thị Trấn					X						100
17	Tam Hiệp					X					100	
18	Định Trung					X				100		
19	Phú Long				X						100	
III	HUYỆN CHỢ LÁCH	11	0	0	0	11	897,89	216,64	81,25	300	300	
1	Phú Sơn					X		54,16				
2	Vĩnh Bình					X		54,16				
3	Long Thới					X		54,16				
4	Tân Thiêng					X		54,16				
5	Sơn Định					X			81,25			
6	Phú Phụng					X				100		
7	Vĩnh Thành					X				100		
8	Vĩnh Hòa					X				100		

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
9	Hòa Nghĩa					X					100	
10	Hưng Khánh Trung B					X					100	
11	Thị Trấn					X					100	
IV	HUYỆN MỎ CÀY NAM	16	0	0	02	14	1.470,82	108,32	162,5	600	200	400
1	Cầm Sơn					X		54,16				
2	An Thới					X		54,16				
3	Định Thủy					X			81,25			
4	Mĩnh Đức					X			81,25			
5	An Định					X				100		
6	An Thạnh					X				100		
7	Hương Mỹ					X				100		
8	Đa Phước Hội					X						100
9	Ngãi Đăng					X					100	
10	Phước Hiệp					X					100	
11	Tân Hội					X						100

STT	Đơn vị	Số xã (cán nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
12	Tân Trung					X						100
13	Thị Trấn					X						100
14	Thành Thới A				X					100		
15	Thành Thới B				X					100		
16	Bình Khánh Tây					X				100		
V	HUYỆN THANH PHÚ	17	0	0	08	09	1.479,14	216,64	162,5	200	500	400
1	An Thuận				X			54,16				
2	Mỹ An				X			54,16				
3	Bình Thạnh				X			54,16				
4	Quới Điền					X		54,16				
5	Phú Khánh					X			81,25			
6	Thới Thạnh					X			81,25			
7	Hòa Lợi					X				100		
8	Mỹ Hưng					X				100		

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
9	Đại Điền					X					100	
10	An Qui				X						100	
11	An Điền				X						100	
12	Thạnh Phong				X						100	
13	Tân Phong					X						100
14	An Thạnh					X						100
15	An Nhơn				X						100	
16	Thạnh Hải				X							100
17	Thị Trấn					X						100
VI	HUYỆN MỎ CÀY BẮC	13	0	0	0	13	1064,33	108,32	162,5	200	400	300
1	Tân Phú Tây					X		54,16				
2	Tân Thanh Tây					X		54,16				
3	Thanh Tân					X			81,25			
4	Phú Mỹ					X			81,25			
5	Hòa Lộc					X				100		

STT	Đơn vị	Số xã (cán nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
6	Thạnh Ngãi					X				100		
7	Phước Mỹ Trung					X					100	
8	Nhuận Phú Tân					X					100	
9	Khánh Thạnh Tân					X					100	
10	Thạnh An					X						100
11	Tân Thành Bình					X						100
12	Hưng Khánh Trung A					X						100
13	Tân Bình					X					100	
VII	HUYỆN GIỒNG TRÔM	22	0	0	02	20	2.070,82	108,32	162,5	600	600	600
1	Lương Phú					X		54,16				
2	Bình Thành					X		54,16				
3	Phong Nẫm					X			81,25			
4	Long Mỹ					X			81,25			
5	Thuận Điền					X				100		
6	Tân Hào					X					100	

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
7	Lương Hòa					X					100	
8	Lương Quới					X				100		
9	Phong Mỹ					X					100	
10	Hung Lễ					X				100		
11	Mỹ Thạnh					X					100	
12	Thị Trấn					X					100	
13	Tân Lợi Thạnh					X					100	
14	Châu Hòa					X				100		
15	Thạnh Phú Đông				X					100		
16	Hưng Phong				X							100
17	Bình Hòa					X						100
18	Hưng Nhượng					X						100
19	Phước Long					X						100
20	Sơn Phú					X						100
21	Tân Thạnh					X						100
22	Châu Bình					X				100		
VIII	HUYỆN CHÂU	22	0	0	01	21	2.070,82	108,32	162,5	500	700	600

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
	THÀNH											
1	Quới Sơn					X		54,16				
2	Thành Triệu					X		54,16				
3	Phước Thạnh					X			81,25			
4	Quới Thành					X			81,25			
5	An Hóa					X				100		
6	An Phước					X				100		
7	An Khánh					X				100		
8	Phú Túc					X				100		
9	Tiên Thủy					X				100		
10	Thị Trấn					X					100	
11	Giao Long					X					100	
12	Phú An Hòa					X					100	
13	Hữu Định					X					100	
14	An Hiệp					X					100	
15	Sơn Hòa					X					100	

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
16	Tam Phước					X					100	
17	Giao Hòa					X						100
18	Tân Thạch					X						100
19	Phước Đức					X						100
20	Tân Phú					X						100
21	Tiên Long				X							100
22	Tường Đa					X						100
IX	THÀNH PHỐ BẾN TRE	17	0	0	0	17	1.654,16	54,16	0	600	400	600
1	Xã Nhơn Thạnh					X		54,16				
2	Phường Phú Khương					X				100		
3	Xã Sơn Đông					X				100		
4	Xã Mỹ Thành					X				100		
5	Xã Phú Hưng					X				100		
6	Xã Bình Phú					X				100		
7	Xã Phú Nhuận					X					100	
8	Xã Mỹ Thạnh An					X				100		

STT	Đơn vị	Số xã (cần nâng cấp Đài truyền thanh)					Kinh phí (triệu đồng)					
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11
9	Phường Phú Tân					X						100
10	Phường 1					X					100	
11	Phường 2					X					100	
12	Phường 3					X					100	
13	Phường 4					X						100
14	Phường 5					X						100
15	Phường 6					X						100
16	Phường 7					X						100
17	Phường 8					X						100
TỔNG CỘNG:		161	0	0	27	134	14.800	1.300	1.300	4.000	4.000	4.200

Số tiền bằng chữ: Mười bốn tỷ, tám trăm triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí đã thực hiện năm 2016 và năm 2017: 2,6 tỷ đồng.
- Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2018-2020: 12,2 tỷ đồng